TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-01-2026
"V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Mai.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Hồng.

Bà Đàm Thị Thanh Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Niềm - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 201/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2025, về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 286/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Thị R, sinh ngày 29/4/1990.

Số căn cước công dân:

Địa chỉ: Tổ B, ấp X, xã A, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn K, sinh ngày 01/01/1976.

Số căn cước công dân:

Địa chỉ: Khu V, phường N, thành phố Cần Thơ.

(Các đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 21/11/2025 và quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Phan Thị R trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn K là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 22/3/2019 tại Ủy ban Nhân dân xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là UBND xã M, thành phố Cần Thơ). Trong thời gian đầu khi mới chung sống rất hạnh phúc, tuy nhiên từ năm 2022 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và tình hình ngày càng trầm trọng nên hai bên quyết định sống ly

thân từ đó đến nay. Giữa bà và ông K có hai người con chung là Nguyễn Phan Huy B, sinh ngày 13/01/2012 và Nguyễn Phan Huy H, sinh ngày 25/4/2019 đang sống với bà. Bà và ông K muốn trả tự do cho nhau, nên yêu cầu giải quyết:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn K.

Về con chung: Bà yêu cầu nuôi 02 người con chung và không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn K vắng mặt, quá trình giải quyết có lời khai: Ông và bà R là vợ chồng, tự nguyện kết hôn nhưng mâu thuẫn và đã sống ly thân được khoảng 03 năm. Nay ông đồng ý ly hôn với bà R và đồng ý giao 02 con chung là Nguyễn Phan Huy B, Nguyễn Phan Huy H. Trong thời gian sống chung không có tài sản chung, không phát sinh nợ chung nên không có yêu cầu gì khác đối với bà R.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung thì thấy bà R khởi kiện ly hôn và ông K đồng ý nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà R, công nhận thuận tình ly hôn cho bà R và ông K. Về con chung đề nghị giao cho mẹ; các vấn đề về tài sản chung, nợ chung và cấp dưỡng giữa vợ chồng không có yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Theo quy định bà R và ông K mỗi người phải chịu 50% án phí, trong vụ án này bà R đồng ý chịu toàn bộ nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận buộc bà R chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà R khởi kiện yêu cầu giải quyết về hôn nhân với bị đơn có nơi cư trú tại phường N, thành phố Cần Thơ nên Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho đương sự, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Bà R và ông K tự nguyện kết hôn, làm thủ tục đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng (nay là Ủy ban nhân dân phường M, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình, bà R có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn. Xét thấy, giữa vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và sống chung với nhau nhưng thực tế giữa bà R và ông K

đã sống ly thân, không còn thương yêu, quan tâm lẫn nhau. Ông K đã được thông báo về việc bà R khởi kiện và đồng ý ly hôn, việc đồng ý ly hôn của ông K là tự nguyện. Vì vậy, theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa bà R và ông K.

[3] Về con chung: Theo bà R và ông K xác định có hai người con chung Nguyễn Phan Huy B, sinh ngày 13/01/2012 và Nguyễn Phan Huy H, sinh ngày 25/4/2019. Bà R yêu cầu nuôi hai người con chung, cháu Huy B có nguyện vọng sống với mẹ và ông K đồng ý giao hai con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà R được nuôi con chung.

[4] Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Do các đương sự thuận tình ly hôn, theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội và hướng dẫn tại khoản 3 Điều 11 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của HĐTP Tòa án nhân dân tối cao thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn. Trong vụ án này, bà R đồng ý chịu toàn bộ án phí nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát khu vực 7 – Cần Thơ là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Phan Thị R và ông Nguyễn Văn K.

2. Về con chung: Giao bà Phan Thị R được nuôi dưỡng hai người con chung với ông Nguyễn Văn K là Nguyễn Phan Huy B, sinh ngày 13/01/2012 và Nguyễn Phan Huy H, sinh ngày 25/4/2019 đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung và không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng cho con, tài sản chung và nợ chung: Không có yêu cầu, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Phan Thị R phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn là 150.000 đồng. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp, bà Phan Thị R đã nộp xong và được hoàn trả số tiền tạm ứng còn dư là 150.000 đồng theo biên lai thu số 0010444 ngày 21/11/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- UBND phường Mỹ Quới, thành phố Cần Thơ.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Mai